

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/12/2019

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Mai Tường Vi

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 398/2019/ TLST – HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Yên Thị H, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Số 12/8/189 đường 19/5 phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cùng tạm trú: Tổ H, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Tổ S, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Tiến D, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: ĐKKHKT tại: Số 12/8/189 đường 19/5 phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cùng tạm trú: Tổ H, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Tổ S, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Yên Thị H đều trình bày: Chị và anh Lê Tiến D kết hôn vào năm 2003, có đăng ký hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trước khi về chung sống với nhau anh chị có thời gian tìm hiểu 01 năm, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại tổ H, khu C, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của vợ chồng chị sau kết hôn hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thay đổi tính cách, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ con cho chị

chăm sóc, thậm chí chị còn phát hiện anh D chơi cờ bạc và sử dụng ma túy đá. Vì thương các con nên chị đã bỏ qua cho anh D có cơ hội nhìn nhận bản thân nhưng anh D không thay đổi mà còn lấy cớ đánh đập chị, hàng xóm đã nhiều lần chứng kiến và can ngăn. Anh D còn có những lời nói đe dọa tính mạng của chị nên chị cảm thấy lo sợ khi phải chung sống với anh D. Do sợ các con buồn nên chị và anh D vẫn sống cùng một nhà nhưng nhiều tháng nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không khí gia đình luôn luôn căng thẳng, nặng nề, không ai muốn tìm biện pháp khắc phục. Mâu thuẫn của vợ chồng căng thẳng nhưng chị không nhờ gia đình hòa giải, đến nay chị không còn tình cảm dành cho anh D, việc phải chung sống với anh D khiến chị không yên tâm chăm sóc, nuôi dưỡng các con, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Lê Tiến D có 02 con chung là Lê Huy V, sinh ngày xx/x/xxxx và Lê Thị Hồng H, sinh ngày xx/xx/xxxx, từ khi chung sống với nhau anh D đã không quan tâm đến các con, hiện nay cả hai con chung đã lớn đều có nguyện vọng ở cùng với chị nên khi được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao cả hai con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Do anh D không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên chị không yêu cầu cấp dưỡng cho các con. Hiện nay chị làm kinh doanh tự do, thu nhập trung bình 10 triệu đồng/tháng, đảm bảo được các điều kiện nuôi các con, anh Dũng được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Lê Tiến D nhiều lần nhưng anh D cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh D, anh D không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Yên Thị H yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Tiến D hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Lê Tiến D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ cho anh D nhưng anh D cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Yên Thị H và anh Lê Tiến D là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định vào năm 2003. Sau kết hôn anh chị về sống tại tổ H, khu C, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do anh D thay đổi tính cách, không còn quan tâm đến gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè để chơi bời, sau này chị còn phát hiện anh D chơi cờ bạc và sử dụng ma túy đá, chị đã khuyên can nhưng anh D không thay đổi, do tinh thần không ổn định nên còn đe dọa đến tính mạng và đánh chị nhiều lần. Hiện nay anh chị vẫn sống cùng một nhà nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đơn yêu cầu về việc công nhận thuận tình ly hôn do chị H cung cấp thì chị H và anh D cùng ký vào đơn, ngày 04/10/2019, anh D được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng khi đến Tòa cũng không viết bản tự khai để trình bày quan điểm, không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiếp tục triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh D cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị H xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh D phù hợp với lời khai của các con chung của anh chị và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh D.

+ Về con chung: Chị Yên Thị H và anh Lê Tiến D có hai con chung là Lê Huy V, sinh ngày xx/x/xxxx và Lê Thị Hồng H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Xét thấy anh D không có quan điểm tại hồ sơ vụ án về việc nuôi con chung, cả hai con chung của anh chị đều có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng và đều muốn ở cùng với nhau, hiện chị H làm kinh doanh tự do chị khai có mức thu nhập ổn định có thể nuôi con mà không gặp khó khăn hoặc trở ngại gì. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao 02 con chung là Lê Huy V và Lê Thị Hồng H cho chị Hằng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi). Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H đều không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét; Anh D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- + Về tài sản và công nợ chung: Không có.
- [3] Về án phí: Chị Yên Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.
- [4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Yên Thị H và anh Lê Tiến D.
 2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Huy V, sinh ngày xx/x/xxxx và Lê Thị Hồng H, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Yên Thị H có quyền, nghĩa vụ, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Tiến D không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
 3. Về án phí: Chị Yên Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 20/9/2019 theo biên lai số: 000xxxxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.
- Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường T, TP , tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

